

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN H  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 17/11/2017

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Liêm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Hồng Xuân.

2. Ông Lê Văn Lý.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Võ Thị Thanh Thủy – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện H.

Ngày 17 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 150/2017/TLST – HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2017/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Đinh Thị T, sinh năm 1992; Địa chỉ: Ấp 1, xã Đ, huyện H, tỉnh Long An.

*Bị đơn:* Ông Lê Tuấn P, sinh năm 1986; Địa chỉ: Ấp 1, xã Đ, huyện H, tỉnh Long An.

*Bà T vắng mặt có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; ông P vắng mặt không có lý do.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị T:** Bà Đinh Thị T yêu cầu ly hôn với ông Lê Tuấn P; Bà T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Lê Tuấn K, sinh ngày 14/08/2012, không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con; Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung, nợ chung. Bà T đồng ý chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

**Yêu cầu, đề nghị của ông Lê Tuấn P:** Không có.

**Các tài liệu chứng cứ của vụ án:**

*Chứng cứ do bà Đinh Thị T cung cấp:* Một bản sao giấy chứng nhận kết hôn, một bản sao giấy khai sinh của Lê Tuấn K, một giấy xác nhận nơi cư trú của ông P, một bản sao sổ hộ khẩu và chứng minh nhân dân của bà T.

*Chứng cứ do ông Lê Tuấn P cung cấp:* Không có.

**Các tình tiết của vụ án:**

*Bà Đinh Thị T trình bày:* Bà Đinh Thị T và ông Lê Tuấn P có đăng ký kết hôn vào ngày 20/02/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, tỉnh Long An. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, vợ chồng có một con chung tên Lê Tuấn K, sinh ngày 14/08/2012. Sau khi có con, vợ chồng đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn lớn, tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà T và ông P đã không còn sống chung, không quan tâm đến cuộc sống của nhau, thậm chí cả hai không nhìn mặt nhau. Hiện nay, bà T không còn tình cảm với ông P nên đã có đơn khởi kiện ngày 08/8/2017.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

**[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:** Bà Đinh Thị T và ông Lê Tuấn P có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, tỉnh Long An và có giấy chứng nhận kết hôn nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn là quan hệ pháp luật được quy định tại Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

**[2] Về việc giải quyết vắng mặt bà Đinh Thị T, ông Lê Tuấn P:** Bà Đinh Thị T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; ông Lê Tuấn P vắng mặt không có lý do dù đã được tổng đạt hợp lệ nhiều lần. Do đó, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt bà T và ông P.

**[3] Về hôn nhân giữa bà Đinh Thị T và ông Lê Tuấn P:** Bà T trình bày về mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn và tình trạng đã ly thân nhiều năm. Ông P vắng mặt không có ý kiến phản bác lời trình bày của bà T. Việc ông P vắng mặt thể hiện ông P không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Căn cứ vào lời trình bày của bà T thì hai bên không còn tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và không sống chung với nhau. Điều này thể hiện tình nghĩa vợ chồng giữa bà T và ông P không còn, việc chung sống giữa bà T và ông P lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và

Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông P.

**[4] Về con chung:** Bà Đinh Thị T yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu ông Lê Tuấn P cấp dưỡng nuôi con chung. Ông P vắng mặt không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà T và cũng không có yêu cầu nuôi con chung nên chấp nhận yêu cầu của bà T, cho bà T được quyền nuôi dưỡng con chung, ông P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

**[5] Về tài sản chung, nợ chung:** Bà Đinh Thị T không có yêu cầu giải quyết tài sản chung, ông Lê Tuấn P vắng mặt không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà T và cũng không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

**[6] Về án phí:** Bà Đinh Thị T phải chịu án phí hôn nhân - gia đình sơ thẩm sung vào công quỹ nhà nước theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85, Điều 86 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

**Xử:**

**Về hôn nhân:** Cho bà Đinh Thị T được ly hôn với ông Lê Tuấn P.

**Về con chung:** Bà Đinh Thị T được quyền nuôi dưỡng con chung tên Lê Tuấn K, sinh ngày 14/08/2012, con chung hiện đang sống cùng bà T. Ông Lê Tuấn P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật này, Bộ luật dân sự và các luật khác có liên quan.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

**Về tài sản chung, nợ chung:** Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

**Về án phí:** Bà Đinh Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân- gia đình sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước, chuyển số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai số 0003713 ngày 03 tháng 10 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H sang thi hành án phí, bà T đã nộp xong án phí.

**Về kháng cáo:** Bà Đinh Thị T và ông Lê Tuấn P có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tòa án niêm yết bản án.

**Về việc thi hành án:** Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện H;
- THADS huyện H;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu (L).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thanh Liêm**